

TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN HOÀN KIẾM
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **19 /2024/KDTM-ST**

Ngày 03 tháng 8 năm 2024

“V/v Tranh chấp Hợp đồng thi công xây dựng”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HOÀN KIẾM, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Cao Văn Thắng**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Văn Kinh**

2. Bà **Đào Phương Mai**

- *Thư ký phiên tòa:* Ông **Tô Việt Anh**

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hoàn Kiếm tham gia phiên tòa:* Bà **Phan Thị Hạnh Ngân** - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 31/2024/TLST-KDTM ngày 03/5/2024 về việc: “Tranh chấp Hợp đồng thi công xây dựng”; Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 61/2024/QĐXX-KDTM ngày 25/6/2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 77/2024/QĐST-KDTM ngày 16 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Công ty CP E1

Trụ sở chính: Lô A, Khu Công nghiệp Q, huyện M, thành phố Hà Nội; Văn phòng giao dịch: Tòa nhà E T, phường T, quận Đ, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Cảnh H – Tổng Giám đốc; Ủy quyền tham gia tố tụng cho:

1. Ông Trần Nam P

2. Ông Phạm Phi H1

3. Ông Nguyễn Đạt C

Địa chỉ liên hệ: Tầng F Tòa nhà E T, phường T, quận Đ, Thành phố Hà Nội.

(Theo Giấy uỷ quyền số 768/UQ-EWPC ngày 22/11/2023).

- Bị đơn: Công ty TNHH Một thành viên V

Trụ sở chính: Số 83^a L, phường T, quận H, Thành phố Hà Nội.

Địa chỉ hoạt động khác: Số A phố Đ, quận Đ, Thành phố Hà Nội;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đỗ Mạnh T – Chủ tịch HĐQT;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1] Theo đơn khởi kiện đề ngày 31/5/2023, bản tự khai, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 06/11/2019, Công ty CP E1 (Bên B) ký Hợp đồng thi công xây dựng số 160/2019/HĐXD/167THUYKHUE với Công ty TNHH MTV V (Bên A) để thực hiện Cung cấp, thi công cửa nhôm kính, vách kính của Dự án tại A T, quận T, Thành phố Hà Nội. Nội dung cơ bản của Hợp đồng như sau:

Thông số kỹ thuật, quy cách, chất lượng, số lượng và giá cả từng loại sản phẩm hai bên thỏa thuận làm cơ sở cho Bên B sản xuất bàn giao sản phẩm cho Bên A được hai bên ký xác nhận trong hợp đồng và các phụ lục hợp đồng kèm theo. Tổng giá trị hợp đồng sau VAT là: 15.400.000.000 đồng.

Tạm ứng và Thanh toán:

+ Tạm ứng: Trong vòng 15 ngày kể từ ngày ký kết Hợp đồng và Bên A nhận được hồ sơ tạm ứng hợp lệ của Nhà thầu theo quy định hợp đồng, Bên A sẽ tạm ứng cho Bên B 25% giá trị Hợp đồng.

Giá trị tạm ứng sẽ được thu hồi ngay từ lần thanh toán khối lượng hoàn thành đầu tiên của Nhà thầu và sẽ được hoàn trả dần theo tỷ lệ 25% giá trị hoàn thành vào các lần thanh toán và thu hồi hết khi giá trị khối lượng hoàn thành đạt 80% giá trị hợp đồng tương ứng với các lần tạm ứng Hợp đồng.

+ Thanh toán: Nguyên tắc thanh toán: Việc thanh toán được thực hiện trên cơ sở khối lượng các công việc hoàn thành theo từng hạng mục công việc được nghiệm thu. Căn cứ trên cơ sở khối lượng hoàn thành được Bên A, Tư vấn giám sát nghiệm thu, hàng tháng Nhà thầu có trách nhiệm lập hồ sơ thanh toán trình Bên A phê duyệt.

T1 thời hạn không quá 10 ngày kể từ ngày Bên A nhận đủ hồ sơ thanh toán đầy đủ theo yêu cầu trên do Nhà thầu đệ trình, Bên A có trách nhiệm xem xét phê duyệt hồ sơ và thanh toán cho Nhà thầu.

+ Quyết toán: Sau khi Nhà thầu hoàn thành toàn bộ nội dung công việc được Bên A phê duyệt hồ sơ quyết toán thì Bên A thanh toán cho nhà thầu đến 95% giá trị quyết toán trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày Bên A phê duyệt hồ sơ

quyết toán; Trong thời hạn 15 ngày làm việc Bên A thanh toán cho Nhà thầu 5% giá trị còn lại khi Nhà thầu nộp cho Bên A bảo lãnh bảo hành.

+ Xử lý chậm thanh toán: Căn cứ Khoản 20.1 Điều 20 của Hợp đồng: Nếu Bên A thanh toán chậm cho Bên B theo quy định tại Điều 8 Hợp đồng thì phải bồi thường cho Bên B theo lãi suất cho vay kỳ hạn 06 (sáu) tháng do Ngân hàng mà Nhà thầu có tài khoản theo quy định tại Hợp đồng này công bố tại thời điểm thanh toán x (nhân) số ngày chậm thanh toán (tính từ ngày phải thanh toán đến ngày thanh toán thực tế) x (nhân) số tiền chậm thanh toán.

Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty CP E1 đã thực hiện đúng hợp đồng, hoàn thành các nghĩa vụ cam kết, tiến hành cung cấp hàng hóa, thi công lắp đặt đảm bảo chất lượng theo đúng thiết kế, tiêu chuẩn chất lượng theo quy định, đã tiến hành nghiệm thu các hạng mục hoàn thành theo kế hoạch thi công công trình.

Ngày 30/5/2022, các bên đã ký Biên bản nghiệm hoàn thành hoàn thành hạng mục công trình đưa vào sử dụng;

Ngày 16/02/2023, Bên A đã phê duyệt hồ sơ quyết toán hợp đồng xác nhận giá trị quyết toán là 16.191.341.695 (Mười sáu tỷ, một trăm chín mươi một triệu, ba trăm bốn mươi một nghìn, sáu trăm chín mươi lăm) đồng. Giá trị Bên A đã tạm ứng và thanh toán cho Bên B đến thời điểm ký hồ sơ Quyết toán là: 10.292.326.424 đồng.

Giá trị khấu trừ chi phí khác (theo CV 58/2023/EW-BQL đã được CĐT phê duyệt là: 130.000.000 đồng.

Giá trị giữ lại bảo hành (5% giá trị quyết toán) là: 809.567.085 đồng.

Giá trị còn lại đề nghị thanh toán cho Bên B là: 4.959.448.186 đồng.

Sau khi các bên xác nhận Giá trị Quyết toán hợp đồng, đến nay Bên A vẫn chưa thanh toán đồng nào cho Bên B, còn lại số tiền chưa thanh toán là 5.769.015.271 (Năm tỷ, bảy trăm sáu mươi chín triệu, không trăm mười lăm nghìn, hai trăm bảy mươi một) đồng. Mặc dù Công ty E1 đã nhiều lần làm việc trực tiếp hoặc đôn đốc bằng văn bản nhưng Công ty TNHH MTV V không hợp tác trả nợ số tiền còn lại theo giá trị quyết toán hợp đồng.

Căn cứ khoản 16.4 “Phạt chậm thanh toán” Điều 16 Hợp đồng: *Bất kỳ đợt thanh toán chậm nào cũng không được quá 20 ngày kể từ ngày hết hạn thanh toán theo quy định tại Hợp đồng. Nếu quá thời hạn 20 ngày nêu trên, Bên A sẽ phải trả cho Nhà thầu khoản lãi đối với số tiền chậm trả với lãi suất 0,05% (không phải không năm phần trăm) được tính cho mỗi ngày chậm trễ trên tổng số tiền đến hạn thanh toán.*

Vì vậy, Công ty TNHH MTV V phải chịu lãi chậm thanh toán hợp đồng theo mức lãi 0,05%/ngày trên số tiền chậm thanh toán tạm tính từ ngày chậm thanh toán đến ngày thanh toán hết nợ trên thực tế.

Việc Công ty TNHH MTV V không thanh toán theo cam kết đã gây thiệt hại về kinh tế cho Công ty E1, xâm phạm các quyền và lợi ích hợp pháp của E. Căn cứ các hợp đồng đã ký, công việc đã thực hiện và quy định pháp luật hiện hành, nguyên đơn đề nghị Toà án xem xét buộc:

1. Công ty TNHH MTV V phải thanh toán cho Công ty CP E1 số tiền là:

+ Khoản tiền nợ gốc còn phải thanh toán theo Hợp đồng là: 5.769.015.271 đồng (*Bằng chữ: Năm tỷ, bảy trăm sáu mươi chín triệu, không trăm mười lăm nghìn, hai trăm bảy mươi một đồng*).

+ Khoản tiền lãi chậm thanh toán tính trên số tiền nợ gốc 5.769.015.271 đồng tính từ ngày 15/3/2023 đến ngày 26/5/2023 (tạm tính) là 207.684.550 đồng. (*Bằng chữ: Hai trăm linh bảy triệu, sáu trăm tám mươi bốn nghìn, năm trăm năm mươi đồng*)

Tổng giá trị phải thanh toán cả gốc và lãi (tạm tính đến 26/5/2023) là: 5.976.699.821 đồng (*Bằng chữ: Năm tỷ, chín trăm bảy mươi sáu triệu, sáu trăm chín mươi chín nghìn, tám trăm hai mươi một đồng*). Trong đó nợ gốc là 5.769.015.271 đồng và lãi chậm thanh toán tạm tính đến ngày 26/5/2023 là 207.684.550 đồng.

2. Công ty TNHH MTV V còn phải thanh toán tiền lãi chậm thanh toán phát sinh từ khi xét xử sơ thẩm đến khi thanh toán hết nợ trên thực tế theo mức lãi suất quy định tại hợp đồng là 0,05%/ngày trên số tiền chậm thanh toán.

[2] Đối với bị đơn Công ty TNHH MTV V:

Theo thông tin do Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch đầu tư cung cấp tại Văn bản số 1900/CCTT - ĐKKD ngày 14/5/2024 như sau:

Công ty TNHH MTV V có thông tin mã số doanh nghiệp: 0100108328; Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký lần đầu ngày 30/9/2010; chứng nhận thay đổi lần thứ 8 ngày 01/6/2020; Địa chỉ trụ sở chính: Số nhà H phố L, phường T, quận H, Thành phố Hà Nội; Đại diện theo pháp luật: Ông Đỗ Mạnh T – Chủ tịch Hội đồng Thành viên;

Tình trạng pháp lý hiện nay: Đang hoạt động. Đến thời điểm hiện tại. Doanh nghiệp chưa nộp hồ sơ đăng ký tạm ngừng, chia tách, sáp nhập hoặc giải thể.

Toà án đã tiến hành xác minh, tổng đạt, niêm yết văn bản tố tụng đối với bị đơn Công ty TNHH MTV V, tuy nhiên bị đơn không có văn bản trình bày ý kiến,

không tham gia tố tụng và không giao nộp tài liệu, chứng cứ gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3] Tại phiên tòa,

[3.1] Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn nộp đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đề ngày 16/7/2024 và trình bày: Sau khi khởi kiện vụ án, bị đơn đã thanh toán trả cho nguyên đơn số tiền nợ gốc là 200.000.000 đồng, ngoài ra do công trình vẫn đang trong thời hạn bảo hành nên nguyên đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 809.567.085 đồng là giá trị Bên A giữ lại bảo hành. Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán ngay cho nguyên đơn số tiền nợ gốc theo hợp đồng là 4.759.448.186 đồng và số tiền lãi chậm thanh toán số nợ gốc từ ngày 15/3/2023 tạm tính đến ngày 03/8/2024 là 1.221.310.667 đồng, tổng cộng là **5.980.758.853** đồng.

[3.2] Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Tòa án xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, thụ lý vụ án đúng thẩm quyền. Việc yêu cầu đương sự giao nộp chứng cứ; thu thập chứng cứ; tiến hành thủ tục tố tụng được tiến hành công khai, minh bạch, khách quan theo đúng trình tự, thủ tục của Bộ Luật Tố tụng dân sự. Việc tổng đạt các văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát và các đương sự đã thực hiện đầy đủ theo quy định tại Điều 22 Bộ Luật Tố tụng dân sự. Về thời hạn chuẩn bị xét xử đúng quy định tại Điều 203 Bộ Luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

Về việc giải quyết vụ án, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn. Về án phí, bị đơn phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền và thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền, thời hiệu khởi kiện: Xét thấy, Ngày 06/11/2019 Công ty CP E1 (Bên B) ký Hợp đồng thi công xây dựng số 160/2019/HĐXD/167THUYKHUE (Về việc cung cấp, thi công cửa nhôm kính, vách kính của Dự án tại A T, quận T, Thành phố Hà Nội) với Công ty TNHH MTV V có địa chỉ trụ sở chính tại: Số nhà H phố L, phường T, quận H, Thành phố Hà Nội.

Tại Điều 22 Hợp đồng, các bên có thoả thuận: “*Trong trường hợp có tranh chấp xảy ra, hai bên sẽ cùng nhau giải quyết trên tinh thần thương lượng, hợp tác để cùng nhau tìm ra hướng giải quyết có lợi cho cả hai bên. Trong trường hợp hai bên không tự thương lượng và giải quyết tranh chấp được thì vụ việc sẽ được đưa*

ra giải quyết tại Tòa án có thẩm quyền để giải quyết theo quy định của pháp luật Việt Nam”;

Do Công ty TNHH MTV V vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng nên ngày 31/5/2023, Công ty CP E1 có đơn khởi kiện đối với Công ty TNHH MTV V và Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm thụ lý vụ án tranh chấp kinh doanh thương mại về việc tranh chấp hợp đồng thi công xây dựng giữa nguyên đơn Công ty CP E1 với bị đơn Công ty TNHH MTV V là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Về thủ tục tố tụng: Xét thấy, tại đơn khởi kiện nguyên đơn đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi bị đơn có trụ sở được ghi trong Hợp đồng thi công xây dựng số 160/2019/HĐXD/167THUYKHUE ngày 06/11/2019. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng cho bị đơn Công ty TNHH MTV V nhưng bị đơn không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không giao nộp tài liệu, chứng cứ, không có yêu cầu phản tố, yêu cầu độc lập và đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn Công ty TNHH MTV V là có căn cứ và đúng quy định tại khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ Luật Tố tụng Dân sự.

[1.3] Về việc thay đổi, rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Xét thấy việc thay đổi, rút một phần yêu cầu khởi kiện về số tiền nợ gốc và số tiền giá trị bảo hành là tự nguyện nên căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử chấp nhận việc thay đổi, rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn tại phiên tòa.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Xét thấy, ngày 06/11/2019 Công ty CP E1 (Bên B) ký Hợp đồng thi công xây dựng số 160/2019/HĐXD/167THUYKHUE với Công ty TNHH MTV V (Bên A) để thực hiện Cung cấp, thi công cửa nhôm kính, vách kính của Dự án tại A T, quận T, Thành phố Hà Nội. Tổng giá trị hợp đồng sau VAT là: 15.400.000.000 đồng. Giá trị phụ lục sau điều chỉnh bổ sung (Phụ lục hợp đồng số 24) là: 16.491.835.158 đồng;

Thực hiện hợp đồng, Công ty CP E1 đã hoàn thành các nghĩa vụ, tiến hành cung cấp hàng hóa, thi công lắp đặt đảm bảo chất lượng theo đúng thiết kế, tiêu chuẩn chất lượng theo quy định.

Ngày 30/5/2022, các bên đã ký Biên bản nghiệm hoàn thành hoàn thành hạng mục công trình (Hoàn thiện cửa, vách, mái, lan can nhôm kính) của dự án Tổ hợp

công trình văn phòng làm việc, dịch vụ và căn hộ để bán tại địa điểm xây dựng số A T, T, Hà Nội đưa vào sử dụng;

Ngày 16/02/2023, Công ty TNHH MTV V đã phê duyệt hồ sơ quyết toán hợp đồng, xác nhận giá trị quyết toán là **16.191.341.695** (Mười sáu tỷ, một trăm chín mươi một triệu, ba trăm bốn mươi một nghìn, sáu trăm chín mươi lăm) đồng.

Đến thời điểm ký hồ sơ Quyết toán, bị đơn Công ty TNHH MTV V đã tạm ứng và thanh toán cho nguyên đơn Công ty CP E1 số tiền là: **10.292.326.424** đồng. Hai bên đã xác nhận giá trị đề nghị quyết toán trong đó:

Giá trị khấu trừ chi phí khác (theo CV 58/2023/EW-BQL đã được chủ đầu tư phê duyệt là: **130.000.000** đồng.

Giá trị giữ lại bảo hành (5% giá trị quyết toán) là: **809.567.085** đồng.

Giá trị còn lại bị đơn Công ty TNHH MTV V còn phải thanh toán cho nguyên đơn Công ty CP E1 là: **4.959.448.186** đồng.

Tại Điều 3 về quyết toán, thanh lý hợp đồng của Phụ lục 04 của Hợp đồng thi công xây dựng số 160/2019/HĐXD/167THUYKHUE ngày 06/11/2019, các bên thoả thuận: “Sau khi Nhà thầu hoàn thành toàn bộ nội dung công việc được Bên A phê duyệt hồ sơ quyết toán thì Bên A thanh toán cho nhà thầu đến 95% giá trị quyết toán trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày Bên A phê duyệt hồ sơ quyết toán”;

Tại Mục 11.2 Điều 11 của Hợp đồng quy định về nghĩa vụ của Bên A (Bên giao thầu) như sau: “Thanh toán cho Nhà thầu theo đúng quy định tại Hợp đồng này”.

Điều 164 Bộ luật Dân sự năm 2015 về biện pháp bảo vệ quyền sở hữu, quyền khác đối với tài sản có quy định: “Chủ sở hữu, chủ thể có quyền khác đối với tài sản có quyền yêu cầu Tòa án ...buộc người có hành vi xâm phạm quyền phải trả lại tài sản...”

Điều 280 Bộ luật Dân sự năm 2015 về thực hiện nghĩa vụ trả tiền có quy định: “1. Nghĩa vụ trả tiền phải được thực hiện đầy đủ, đúng thời hạn, đúng địa điểm và phương thức đã thoả thuận.

2. Nghĩa vụ trả tiền bao gồm cả tiền lãi trên nợ gốc, trừ trường hợp có thoả thuận khác.”

Điều 144 của Luật Xây dựng 2014 về thanh toán hợp đồng xây dựng quy định: 1. Việc thanh toán hợp đồng xây dựng phải phù hợp với loại hợp đồng, giá hợp đồng và các điều kiện trong hợp đồng mà các bên đã ký kết.

2. Các bên hợp đồng thỏa thuận về phương thức thanh toán, thời gian thanh toán, hồ sơ thanh toán và điều kiện thanh toán.”

Điều 147 của Luật Xây dựng 2014 về quyết toán, thanh lý hợp đồng xây dựng quy định: *1. Bên nhận thầu có trách nhiệm quyết toán hợp đồng xây dựng với bên giao thầu phù hợp với loại hợp đồng ...*

2. Thời hạn thực hiện quyết toán hợp đồng xây dựng do các bên thỏa thuận...”

Căn cứ nội dung thỏa thuận của hợp đồng về thanh toán, quyết toán và đối chiếu với các quy định của Bộ luật Dân sự và Luật Xây dựng như trên, Hội đồng xét xử thấy rằng, bị đơn đã không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán đầy đủ theo hợp đồng, do đó nguyên đơn Công ty CP E1 khởi kiện yêu cầu bị đơn Công ty TNHH MTV V phải có nghĩa vụ thanh toán trả nguyên đơn số tiền nợ gốc còn phải thanh toán theo Hợp đồng thi công xây dựng số 160/2019/HĐXD/167THUYKHUE ngày 06/11/2019 là **4.759.448.186** đồng là có căn cứ.

Đối với yêu cầu khởi kiện về số tiền lãi do bị đơn chậm thanh toán, Hội đồng xét xử thấy rằng,

Tại Mục 16.4 Điều 16 của Hợp đồng quy định về thưởng, phạt vi phạm hợp đồng và bồi thường thiệt hại như sau: *“Bất kỳ đợt thanh toán chậm nào cũng không được quá 20 ngày kể từ ngày hết hạn thanh toán theo quy định tại Hợp đồng (với điều kiện Bên A đã nhận được hồ sơ thanh toán hợp lệ). Nếu quá thời hạn 20 ngày nêu trên, Bên A sẽ phải trả cho nhà thầu khoản lãi đối với số tiền chậm trả với lãi suất **0,05%** được tính cho mỗi ngày chậm trễ trên tổng số tiền đến hạn thanh toán...”*

Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015 về trách nhiệm dân sự do chậm thực hiện nghĩa vụ dân sự có quy định: *1. Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.*

2. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật này; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này.”

Và Điều 146 của Luật Xây dựng 2014 về thưởng, phạt hợp đồng xây dựng, bồi thường thiệt hại do vi phạm và giải quyết tranh chấp hợp đồng xây dựng quy định: *“1. Thưởng, phạt hợp đồng xây dựng phải được các bên thỏa thuận và ghi trong hợp đồng.*

4. Bên giao thầu phải bồi thường cho bên nhận thầu trong các trường hợp sau:

...d) Bên giao thầu chậm thanh toán theo thỏa thuận trong hợp đồng.”

Xét thấy, mức lãi suất chậm thanh toán các bên thỏa thuận tại Mục 16.4 Điều 16 của Hợp đồng tương đương 18%/năm là không vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự, do vậy yêu cầu của nguyên đơn về số tiền lãi chậm thanh toán số nợ gốc được tính từ ngày 15/3/2023 đến ngày xét xử 03/8/2024 là **1.221.310.667** đồng, tổng cộng là **5.980.758.853** đồng và bị đơn Công ty TNHH MTV V còn phải tiếp tục thanh toán trả cho nguyên đơn Công ty CP E1 khoản tiền lãi chậm thanh toán số nợ gốc theo Hợp đồng kể từ sau ngày xét xử sơ thẩm 03/8/2024 cho đến khi thanh toán hết số nợ gốc theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng là 0,05%/ngày trên số tiền chậm thanh toán là có căn cứ và đúng thỏa thuận trong hợp đồng nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Tại phiên tòa, nguyên đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 809.567.085 đồng là giá trị Bên A giữ lại bảo hành và số tiền nợ gốc 200.000.000 đồng do bị đơn đã thanh toán trả nguyên đơn sau khi nguyên đơn có đơn khởi kiện tại Tòa án. Xét việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn như trên là tự nguyện và phù hợp với thỏa thuận trong hợp đồng, nên Hội đồng xét xử đình chỉ đối với phần yêu cầu khởi kiện này.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hoàn Kiếm phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[3] Về án phí: Bị đơn Công ty TNHH MTV V phải chịu số tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm có giá ngạch đối với số tiền phải trả cho nguyên đơn là: **113.980.758** đồng;

Nguyên đơn Công ty CP E1 không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm có giá ngạch, trả lại số tiền tạm ứng án phí **56.988.350** đồng đã nộp theo biên lai thu số 0006400 ngày 22/4/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Hoàn Kiếm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

Khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 244; Điều 273 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015;

Các Điều 164, 370, 280, 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Các Điều 144, 146, 147 của Luật Xây dựng năm 2014;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty CP E1 đối với bị đơn Công ty TNHH MTV V về việc tranh chấp Hợp đồng thi công xây dựng;

[2] Buộc bị đơn Công ty TNHH MTV V phải có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn Công ty CP E1 số tiền nợ gốc theo Hợp đồng thi công xây dựng số 160/2019/HĐXD/167THUYKHUE ngày 06/11/2019 là **4.759.448.186** (Bốn tỷ bảy trăm năm mươi chín triệu bốn trăm bốn mươi tám nghìn một trăm tám mươi sáu) đồng và số tiền lãi tạm tính từ ngày ngày 15/3/2023 đến ngày 03/8/2024 là **1.221.310.667** (Một tỷ hai trăm hai mươi một triệu ba trăm mười nghìn sáu trăm sáu bảy) đồng. Tổng cộng là: **5.980.758.853** (Năm tỷ chín trăm tám mươi triệu bảy trăm năm mươi tám nghìn tám trăm năm mươi ba) đồng.

[3] Bị đơn Công ty TNHH MTV V còn phải tiếp tục thanh toán trả cho nguyên đơn Công ty CP E1 khoản tiền lãi chậm thanh toán số nợ gốc theo Hợp đồng kể từ sau ngày xét xử sơ thẩm 03/8/2024 cho đến khi thanh toán hết số nợ gốc theo mức lãi suất thoả thuận trong hợp đồng là 0,05%/ngày trên số tiền chậm thanh toán.

[4] Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty CP E1 đối với Bị đơn Công ty TNHH MTV V về giá trị giữ lại bảo hành số tiền là **809.567.085** đồng (Do chưa hết thời gian bảo hành) và số tiền nợ gốc **200.000.000** đồng (Do bị đơn đã thanh toán trả cho nguyên đơn sau khi nguyên đơn có đơn khởi kiện tại Tòa án);

[5] Về án phí: Bị đơn Công ty TNHH MTV V phải chịu số tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm có giá ngạch đối với số tiền phải trả cho nguyên đơn là: **113.980.758** (Một trăm mười ba triệu chín trăm tám mươi nghìn bảy trăm năm mươi tám) đồng;

Nguyên đơn Công ty CP E1 không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm có giá ngạch, trả lại số tiền tạm ứng án phí **56.988.350** (Năm mươi sáu triệu chín trăm tám mươi tám nghìn ba trăm năm mươi) đồng đã nộp theo biên lai thu số 0006400 ngày 22/4/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Hoàn Kiếm.

[6] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn Công ty TNHH MTV V vắng mặt tại phiên tòa có quyền

kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

[7] Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nơi nhận:

- VKSND quận Hoàn Kiếm;
- Chi cục THADS quận Hoàn Kiếm;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

Cao Văn Thắng